

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ
NGÀNH KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ

Ban hành kèm Quyết định số 1482/QĐ-ĐHTL ngày 06/11/2020 của Trường Đại học Thủy lợi

TT	Tên môn học (Tiếng Việt)	Tên môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn phụ trách	Số TC	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
I	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	GENERAL EDUCATION			37	1	2	3	4	5	6	7	8	9
I.1	Lý luận chính trị	Political Subjects			13									
1	Pháp luật đại cương	General Law	ITL112	Những nguyên lý cơ bản CNMLN	2	2								
2	Triết học Mác - Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	MLP121	Những nguyên lý cơ bản CNMLN	3				3					
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	MLPE222	Những nguyên lý cơ bản CNMLN	2					2				
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science socialism	SCSO232	Những nguyên lý cơ bản CNMLN	2						2			
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	HCPV343	TTHCM&ĐLCM ĐCSVN	2							2		
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Thought	HCMT354	TTHCM&ĐLCM ĐCSVN	2								2	
I.2	Kỹ năng	Communication Skills			3									
7	Kỹ năng mềm và tinh thần khởi nghiệp	Soft Skills and Startup Spirit	SSSS111	Phát triển kỹ năng	3	3								
I.3	Khoa học tự nhiên và tin học	Natural Science and computer			15									
8	Tin học cơ bản	Introduction to Informatics	CSE100	Tin học và Kỹ thuật tính toán	2					2				
9	Giải tích hàm một biến	Single Variable Calculus	MATH111	Toán học	3	3								
10	Giải tích hàm nhiều biến	Multivariable Calculus	MATH122	Toán học	3		3							
11	Nhập môn đại số tuyến tính	Introduction to Linear Algebra	MATH232	Toán học	2		2							
12	Vật lý đại cương	General Physics	PHYS223	Vật lý	3		3							
13	Phương trình vi phân	Differential Equations	MATH243	Toán học	2			2						
I.4	Tiếng Anh	English			6									
14	Tiếng Anh 1	English 1	ENG213	Tiếng Anh	3			3						
15	Tiếng Anh 2	English 2	ENG224	Tiếng Anh	3				3					
I.5	Giáo dục quốc phòng	National Defence Education			165t	8*								
I.6	Giáo dục thể chất	Physical Education			5	1*	1*	1*	1*	1*				

[illegible]

TT	Tên môn học (Tiếng Việt)	Tên môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn phụ trách	Số TC	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
II.4	Thực tập tốt nghiệp và Đồ án tốt nghiệp	Internship and graduation & Graduation thesis			13									
45	Thực tập tốt nghiệp kỹ thuật cơ điện tử	Graduation Internship	FNI281	Kỹ thuật cơ điện tử	3									3
46	Đồ án tốt nghiệp	Graduation thesis	FNT281	Kỹ thuật cơ điện tử	10									10
II.5	Kiến thức tự chọn	Selective Courses			8								8	
1	Dao động kỹ thuật	Engineering Vibration	EVIB264	Cơ học kỹ thuật	2								2	
2	Tính toán thiết kế robot	Design of Robot	DERB292	Kỹ thuật cơ điện tử	2								2	
3	Trí tuệ nhân tạo trong cơ điện tử	Artificial Intelligence in Mechatronic Engineering	ARIN281	Kỹ thuật cơ điện tử	2								2	
4	Thị giác máy tính trong cơ điện tử	Computer Vision in Mechatronic Engineering	COVI281	Kỹ thuật cơ điện tử	2								2	
5	Hệ thống SCADA	SCADA Systems	SCAS281	Kỹ thuật cơ điện tử	2								2	
6	Hệ thống vi cơ điện tử	Microelectromechanical Systems	MEMS418	Kỹ thuật cơ điện tử	2								2	
7	Tự động hóa quá trình sản xuất	Automation of Production Process	AUPP819	Công nghệ cơ khí	2								2	
8	Tối ưu hóa và điều khiển tối ưu	Optimization and Optimal Control	OPCTR281	Kỹ thuật cơ điện tử	2								2	
	Tổng cộng (I + II)	Total (I + II)			155	12	20	19	20	20	19	17	15	13